|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM****CÔNG ĐOÀN Y TẾ VIỆT NAM****BÁO CÁO NGHIÊN CỨU****THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG** **KHÔNG KHÓI THUỐC LÁ TẠI 33 CƠ SỞ Y TẾ NĂM 2016**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**Hà Nội, Tháng 03/2017** |

**MỤC LỤC**

[PHẦN 1. ĐẶT VẤN ĐỀ…………………………………………………………… 5](#_Toc484439383)

[PHẦN 2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU 8](#_Toc484439384)

[PHẦN 3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 8](#_Toc484439385)

[3.1. Đối tượng nghiên cứu 8](#_Toc484439386)

[3.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu 8](#_Toc484439387)

[3.3. Phương pháp và nội dung nghiên cứu 10](#_Toc484439388)

[3.4. Quản lý, xử lý và phân tích số liệu 11](#_Toc484439389)

[3.5. Sai số nghiên cứu 11](#_Toc484439390)

[3.6. Đạo đức nghiên cứu 12](#_Toc484439391)

[PHẦN 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU 13](#_Toc484439392)

[**4.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu** 13](#_Toc484439393)

[*4.1.1. Về đặc điểm phân bố của các đối tượng nghiên cứu* 13](#_Toc484439394)

[*4.1.2. Tỷ lệ phân bố giới tính, tuổi đời và trình độ chuyên môn của các đối tượng nghiên cứu* 13](#_Toc484439395)

[*4.1.3. Thời gian làm việc, địa điểm làm việc và tính chất công việc của các đối tượng nghiên cứu.* 14](#_Toc484439396)

[**4.2.** **Kiến thức về tác hại của thuốc lá và các quy định cấm hút thuốc lá tại các cơ sở y tế của nhân viên y tế.** 15](#_Toc484439397)

[*4.2.1.* *Kiến thức về tác hại của hút thuốc chủ động và thụ động* 15](#_Toc484439398)

[*4.2.2.* *Những biện pháp để hạn chế ảnh hưởng của khói thuốc* 17](#_Toc484439399)

[*4.2.3.* *Nguồn cung cấp thông tin về tác hại của thuốc lá* 18](#_Toc484439400)

[*4.2.4.* *Hiểu biết của nhân viên y tế về các văn bản, quy định cấm hút thuốc lá tại các cơ sở y tế* 18](#_Toc484439401)

[**4.3.** **Thái độ, phản ứng của nhân viên y tế khi hít phải khói thuốc lá** 19](#_Toc484439402)

[*4.3.1.* *Thái độ của nhân viên y tế khi hít phải khói thuốc lá* 19](#_Toc484439403)

[*4.3.2.* *Phản ứng của nhân viên y tế khi bắt gặp người hút thuốc lá* 20](#_Toc484439404)

[**4.4.** **Hành vi hút thuốc lá tại bệnh viện** 21](#_Toc484439405)

[*4.4.1.* *Hành vi hút thuốc lá của nhân viên y tế tại bệnh viện* 21](#_Toc484439406)

[*4.4.2.* *Hành vi hút thuốc lá tại các bệnh viện* 23](#_Toc484439407)

[**4.5.** **Thực trạng việc thực hiện môi trường không khói thuốc lá tại đơn vị** 25](#_Toc484439408)

[*4.5.1.* *Về quy định, nội quy cấm hút thuốc lá tại đơn vị* 25](#_Toc484439409)

[*4.5.2.* *Về công tác truyền thông phòng, chống tác hại của thuốc lá tại đơn vị* 27](#_Toc484439410)

[*4.5.3.* *Xử lý các hành vi vi phạm về phòng, chống tác hại của thuốc lá tại các cơ sở y tế* …………………………………………………………………………...29](#_Toc484439411)

[**PHẦN 5. BÀN LUẬN** 32](#_Toc484439412)

[1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu 32](#_Toc484439413)

[2. Về kiến thức của nhân viên y tế đối với tác hại của thuốc lá và thái độ đối với hành vi hút thuốc lá. 32](#_Toc484439414)

[3. Về hành vi hút thuốc lá (của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh và các đối tượng khác) tại các cơ sở y tế 33](#_Toc484439415)

[4.Về thực trạng xây dựng môi trường CSYT không khói thuốc lá tại các đơn vị 35](#_Toc484439416)

 [*4.1.Về quy định, nội quy cấm hút thuốc lá tại cơ sở y tế* 35](#_Toc484439417)

 [*4.2.Về công tác truyền thông phòng, chống tác hại của thuốc lá* 36](#_Toc484439418)

 [*4.3. Về tư vấn của bác sỹ trong quá trình khám chữa bệnh* 37](#_Toc484439419)

[PHỤ LỤC 42](#_Toc484439420)

**MỤC LỤC BẢNG, BIỂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Trang** |
| 1 | *Biểu đồ 1: Đặc điểm phân bố của các đối tượng nghiên cứu* | 13 |
| 2 | *Bảng 1: Tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn và nghề nghiệp**của đối tượng nghiên cứu* | 14 |
| 3 | *Bảng 2: Thời gian làm việc, địa điểm làm việc và tính chất công việc của đối tượng nghiên cứu* | 15 |
| 4 | *Biểu đồ 2: Kiến thức về tác hại của thuốc lá chủ động* | 16 |
| 5 | *Biểu đồ 3: Kiến thức về tác hại của hút thuốc lá thụ động* | 17 |
| 6 | *Biểu đồ 4: Các biện pháp hạn chế ảnh hưởng của khói thuốc lá* | 17 |
| 7 | *Biểu đồ 5: Nguồn cung cấp thông tin về tác hại của thuốc lá* | 18 |
| 8 | *Biểu đồ 6: Hiểu biết của nhân viên y tế về địa điểm cấm hút thuốc lá* | 19 |
| 9 | *Biểu đồ 7. Thái độ của nhân viên y tế khi hít phải khói thuốc lá* | 19 |
| 10 | *Biểu đồ 8: Lý do cảm thấy khói chịu khi hít phải khói thuốc lá* | 20 |
| 11 | *Biểu đồ 9: Phản ứng của nhân viên y tế khi bắt gặp người hút thuốc lá* | 21 |
| 12 | *Bảng 3: Hành vi hút thuốc lá của nhân viên y tế tại bệnh viện* | 21-23 |
| 13 | *Biểu đồ 10: Hành vi hút thuốc lá tại bệnh viện* | 23 |
| 14 | *Biểu đồ 11: Địa điểm bắt gặp người hút thuốc lá trong bệnh viện* | 24 |
| 15 | *Biểu đồ 12: Thời điểm bắt gặp người hút thuốc lá trong bệnh viện* | 24 |
| 16 | *Biểu đồ 13: Thực trạng phơi nhiễm khói thuốc lá tại đơn vị* | 25 |
| 17 | *Bảng 4: Quy định “Cấm hút thuốc lá” tại cơ quan, đơn vị* | 26-27 |
| 18 | *Biểu đồ 14: Việc thực thi quy định cấm hút thuốc lá tại đơn vị* | 27 |
| 19 | *Bảng 5: Biển báo “Cấm hút thuốc lá” tại đơn vị* | 27-28 |
| 20 | *Bảng 6: Tranh, ảnh, pano, áp phích phòng, chống tác hại của thuốc lá tại đơn vị* | 28-29 |
| 21 | *Biểu đồ 15: Tổ chức Lễ phát động xây dựng môi trường làm việc**không khói thuốc lá* | 29 |
| 22 | *Biểu đồ 16: Xử lý vi phạm phòng, chống tác hại của thuốc lá* | 30 |

**BẢNG VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| CNVCLĐ | Công nhân, viên chức lao động |
| Công ước FCTC  | Công ước khung về kiểm soát thuốc lá |
| GATS 2010 | Điều tra toàn cầu tình hình hút thuốc lá ở người trưởng thành năm 2010 |
| PCTH thuốc lá | Phòng, chống tác hại thuốc lá |
| Quyết định 1315/QĐ -TTg | Quyết định số 1315/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước khung về kiểm soát thuốc lá |
| TW | Trung ương |
| Tổng Liên đoàn  | Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam  |
| VINACOSH | Văn phòng Chương trình Phòng chống tác hại thuốc lá  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

# PHẦN 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Như chúng ta đã biết, thuốc lá và thuốc lào (sau đây gọi chung là thuốc lá) không chỉ ảnh hưởng đến sức khoẻ của mỗi con người mà nó còn tác động mạnh mẽ đến đời sống, kinh tế của mỗi gia đình và toàn xã hội. Khói thuốc lá chứa hơn 7.000 hóa chất trong đó có khoảng 69 chất gây ung thư. Các tế bào này khi vào cơ thể, tác động lên tế bào, gây viêm nãn tính, biển đổi tế bào dẫn đến loạn sản rồi ác tính hóa. Với các thành phần độc tính trong khói thuốc, khói thuốc lá đã được khoa học chứng minh là một trong các nguyên nhân gây ra hơn 25 căn bệnh khác nhau như: Ung thư phổi, ung thư thanh quản, ung thư khoang miệng, ung thư da, các bệnh tim mạch và các bệnh về hô hấp....Sử dụng thuốc lá là một trong các nguyên nhân chính gây ra các bệnh không lây nhiễm. Theo thống kê của Tổ chức y tế thế giới, trong thế kỉ 20 trên thế giới đã có 100 triệu người chết do các bệnh liên quan đến sử dụng thuốc lá. Mỗi năm, thuốc lá gây ra gần 6 triệu ca tử vong, con số này sẽ tăng thành hơn 8 triệu người vào năm 2020, trong đó 70% số ca tử vong sẽ xảy ra ở các nước đang phát triển.

 Hút thuốc lá thụ động cũng ảnh hưởng tới sức khỏe. Người không hút thuốc nhưng thường xuyên hít phải khói thuốc cũng mắc các bệnh giống như người hút thuốc. Theo tổ chức lao động quốc tế, hàng năm trên thế giới có khoảng 200.000 ca tử vong do phải tiếp xúc thụ động với khói thuốc lá tại nơi làm việc. Số liệu của Tổ chức Y tế thế giới cũng cho thấy hàng năm trên thế giới có khoảng 600.000 ca tử vong do hút thuốc thụ động.

 Việt Nam nằm trong nhóm 15 nước có số người hút thuốc lá nhiều nhất thế giới. Theo Điều tra toàn cầu tình hình sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành trên 15 tuổi (GATS) năm 2015, tỷ lệ hút thuốc ở nam giới là 45,3% (trung bình hai nam giới có một người hút thuốc), ở nữ giới là 1,1%. Hai phần ba số phụ nữ và trẻ em thường xuyên hít phải khói thuốc ở nhà. 28,5 triệu người không hút thuốc nhưng thường xuyên hít phải khói thuốc trong nhà. 5,9 triệu người không hút thuốc thường xuyên hít phải khói thuốc tại nơi làm việc.

Sử dụng thuốc lá gây ra chi phí khổng lồ cho chăm sóc y tế cho những người bị bệnh do hút thuốc lá, cộng thêm tổn thất do giảm hoặc mất khả năng lao động, do hỏa hoạn và những tổn hại cho môi trường. Mỗi năm thuốc lá gây thiệt hại cho nền kinh tế thế giới khoảng 500 tỷ USD. Theo ước tính, trong tổng số các vụ hỏa hoạn trên thế giới thì nguyên nhân do sử dụng thuốc lá chiếm 10%. Mỗi năm thuốc lá gây ra khoảng 1,1 triệu vụ cháy; 17,300 ca tử vong; 600,000 ca thương tích và 27 tỉ USD tổn thất tài sản. Tại Việt Nam, mặc dù ngành công nghiệp thuốc lá có những đóng góp cho ngân sách quốc gia, nhưng phần đóng góp của ngành công nghiệp thuốc lá không đủ để bù đắp những tổn thất kinh tế và sức khoẻ do sử dụng thuốc lá gây ra đối với các cá nhân, gia đình và xã hội. Năm 2012 người dân Việt Nam đã chi cho việc mua thuốc lá là 22 nghìn tỷ đồng. Ngoài tổn thất do chi mua thuốc hút, tổng chi phí điều trị và tổn thất do mất khả năng lao động vì ốm đau và tử vong sớm cho 5 nhóm bệnh (ung thư phổi, ung thư đường tiêu hóa- hô hấp trên, bệnh phổi tắc nghãn mãn tính, nhồi máu cơ tim, đột quỵ) do hút thuốc gây ra là **hơn 23 nghìn tỉ đồng** một năm. Theo kết quả điều tra GATS, tổng số tiền người Việt chi tiêu hàng năm để mua thuốc lá là 31 ngàn tỉ đồng (chiếm 2,5% GDP).

Trước những nguy cơ của thuốc lá đối với sức khỏe của người dân nói chung, và của CNVCLĐ nói riêng, Đảng và nhà nước ta đã có những chính sách quan trọng nhằm hạn chế tác hại của thuốc lá. Năm 2000, Chính phủ đã có Nghị quyết số 12/2000/NQ-CP về "Chính sách quốc gia về phòng, chống tác hại thuốc lá giai đoạn 2000-2010". Năm 2003, Việt Nam cũng đã ký phê chuẩn Công ước khung về Kiểm soát thuốc lá (FCTC) do Tổ chức Y tế Thế giới đưa ra. Và đến 01/05/2013, Luật phòng chống tác hại của thuốc lá chính thức có hiệu lực. Đây là một bước tiến quan trọng, thể hiện sự quan tâm, cam kết phòng chống tác hại thuốc lá của Chính phủ.

Rõ ràng, thuốc lá đã và đang gây ra những tổn thất to lớn về sức khoẻ, kinh tế và môi trường đối với con người và các quốc gia trên toàn thế giới. Do đó, phòng chống tác hại thuốc lá là trách nhiệm của mỗi cá nhân và toàn xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm các gánh nặng về bệnh tật, kinh tế do việc sử dụng thuốc lá gây ra. Hơn bất cứ một ngành nghề nào khác, ngành Y tế cần phải đi tiên phong trong công tác phòng chống tác hại thuốc lá, trước hết là phải xây dựng được môi trường các cơ sở y tế không khói thuốc.

Trên thực tế, ngày 21/8/2009, Thủ tướng chính phủ đã ra quyết định số 1315/QĐ- TTg về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện công ước khung về kiểm soát thuốc lá, trong đó chỉ rõ: *“Nghiêm cấm hút thuốc lá từ 01 tháng 01 năm 2010 ở lớp học, nhà trẻ,* ***các cơ sở y tế****, thư viện, rạp chiếu phim, nhà hát, nhà văn hoá, các khu vực sản xuất và nơi làm việc trong nhà, nơi có nguy cơ cháy nổ cao và trên các phương tiện giao thông công cộng. Tại nơi cấm hút thuốc lá phải treo biển có chữ hoặc biểu tượng“Cấm hút thuốc lá””*. Và ngày 31/12/2009, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ra quyết định số 5281/QĐ- BYT về việc ban hành kế hoạch thực hiện quyết định số 1315/QĐ-TTg, trong đó quy định: *“…Thực hiện nghiêm các quy định về cấm hút thuốc nơi công cộng, nơi làm việc tại tất cả các cơ quan, đơn vị của ngành y tế; 100% cán bộ y tế không hút thuốc lá tại nơi làm việc…”*.

 Cũng từ năm 2009, được sự hỗ trợ của trường Đại học Johns Hopkins, Công đoàn Y tế Việt Nam đã phối hợp với chương trình phòng chống tác hại thuốc lá quốc gia (gọi tắt là VINACOSH) triển khai xây dựng môi trường bệnh viện không khói thuốc lá tại 9 bệnh viện điểm từ tuyến trung ương, tuyến tỉnh đến tuyến huyện ở 3 miền Bắc, Trung, Nam (BV Nhi đồng I, BV Nguyễn Tri Phương, BV Chợ Rẫy, BV Đa khoa TW Cần Thơ, BVĐK huyện Phú Vang, BV Đa khoa TW Huế, BV K, BV Xanh Pôn và BV Việt Đức). Từ đó là cơ sở để nhân rộng ra các bệnh viện và các cơ sở y tế trong cả nước. Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá cũng quy định rõ các cơ sở y tế là *địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà và trong phạm vi khuôn viên*. Đây thực sự là những hành lang pháp lý thuận lợi cho công tác xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá.

Bên cạnh những thuận lợi, việc xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá cũng còn gặp rất nhiều khó khăn, song đây thực sự là một chủ trương đúng đắn và có ý nghĩa thiết thực. Vì vậy đòi hỏi sự triển khai quyết liệt, sáng tạo của các đơn vị, đặc biệt là cán bộ nhân viên y tế cần phải gương mẫu đi đầu trong phong trào không hút thuốc lá. Sau hơn 3 năm thực hiện Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá, việc đánh giá thực trạng triển khai xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá là rất cần thiết. Đó là cơ sở cho việc đánh giá tính hiệu quả của Luật, cũng như tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn khi triển khai xây dựng môi trường không khói thuốc lá tại các cơ sở y tế. Do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu “Khảo sát đánh giá hiệu quả triển khai xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá”. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở để đánh giá và có những biện pháp can thiệp phù hợp hơn trong thời gian tới.

# PHẦN 2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

1. Mô tả tình hình thực hiện Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá tại một số cơ sở y tế từ trung ương đến địa phương.

2. Mô tả những thuận lợi, khó khăn và kinh nghiệm trong việc thực hiện Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá tại các cơ sở y tế từ trung ương đến địa phương.

3. Đề xuất khuyến nghị để triển khai hiệu quả Luật PCTH thuốc lá trong các cơ sở y tế từ trung ương đến địa phương

# PHẦN 3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

## Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các cán bộ, đoàn viên đang công tác tại các cơ sở y tế từ trung ương đến địa phương.

Cách lựa chọn đối tượng nghiên cứu: Trong số 49 bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và 63 Sở Y tế tỉnh, thành phố; chúng tôi tiến hành lựa chọn ngẫu nhiên được 13 bệnh viện TW và 10 Sở Y tế tỉnh, thành phố. Tại mỗi Sở Y tế chúng tôi lại tiến hành lựa chọn ngẫu nhiên 02 cơ sở y tế trực thuộc Sở. Các đối tượng nghiên cứu tại các đơn vị cũng được lựa chọn một cách ngẫu nhiên.

## Thời gian và địa điểm nghiên cứu

\* Thời gian: Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 07/2016 đến tháng 2/2017.

\* Địa điểm: tại 33 cơ sở y tế, bao gồm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị** | **Số phiếu điều tra** |
| 1 | Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng Trung ương | 80 |
| 2 | Bệnh viện Trường Đại học Y dược Hải Phòng | 80 |
| 3 | Trung tâm Y tế Quy Nhơn- Bình Định | 50 |
| 4 | BV Đa khoa tỉnh Bình Định | 50 |
| 5 | BV 71 Trung ương | 80 |
| 6 | BV Đa khoa tỉnh Bình Thuận | 50 |
| 7 | BV Đa khoa thành phố Phan Thiết | 50 |
| 8 | BV Ninh Phước- Ninh Thuận | 50 |
| 9 | BV Đa khoa tỉnh Ninh Thuận | 50 |
| 10 | BV Nhi Trung ương | 100 |
| 11 | BV Trường Đại học kỹ thuật Y tế Hải Dương | 80 |
| 12 | BV Trường Đại học Y dược TP HCM | 100 |
| 13 | BV-Viện Sốt rét- KST- Côn trùng Quy Nhơn | 80 |
| 14 | BV Việt Tiệp- Hải Phòng | 50 |
| 15 | BV Trẻ em Hải Phòng | 50 |
| 16 | BV đa khoa Sơn La | 50 |
| 17 | BV phục hồi chức năng Sơn La | 50 |
| 18 | BV Đa khoa Trung ương Cần Thơ | 100 |
| 19 | BV Đại học Y Hà Nội | 100 |
| 20 | BV Lao và bệnh Phổi Ninh Bình | 50 |
| 21 | BV Tâm thần Ninh Bình | 50 |
| 22 | BV Học viện Y dược học cổ truyền VN | 100 |
| 23 | BV Phong-Da liễu TW Quỳnh Lập- Nghệ An | 100 |
| 24 | BV Thống Nhất | 100 |
| 25 | BV đa khoa Cà Mau | 50 |
| 26 | BV Sản-nhi Cà Mau | 50 |
| 27 | BV Chợ Rẫy | 100 |
| 28 | BV Đa khoa Đồng Hới- Quảng Bình | 50 |
| 29 | BV Đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình | 50 |
| 30 | BV Đa khoa tỉnh Phú Yên | 50 |
| 31 | BV Sản Nhi- Phú Yên | 50 |
| 32 | BV Đa khoa tỉnh Yên Bái | 50 |
| 33 | Trung tâm Y tế thành phố Yên Bái | 50 |

## Phương pháp và nội dung nghiên cứu

* + 1. *Thiết kế nghiên cứu*

Nghiên cứu phân tích, định lượng, mô tả cắt ngang, nhằm thu thập thông tin:

\* Việc thực hiện Luật PCTHTL tại các cơ sở y tế.

\* Việc treo biển có chữ hoặc biểu tượng “Cấm hút thuốc lá”.

\* Việc treo các tranh ảnh, pano, áp phích tuyên truyền về phòng, chống tác hại của thuốc lá tại các cơ sở y tế.

\* Việc truyền thông về nội quy, quy định cấm hút thuốc lá tại cơ sở y tế: đối tượng, tần sất, hiệu quả.

\* Việc tuân thủ nội quy, quy định không hút thuốc lá các cơ sở y tế.

\* Công tác theo dõi và giám sát và báo cáo kết quả PCTH thuốc lá.

\* Xử phạt: mức phạt, đối tượng và tình hình xử phạt kể từ khi Luật PCTHTL chính thức có hiệu lực (2013- 2015), vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan.

\* Những khó khăn, những bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện Luật PCTHTL.

\* Khuyến nghị tăng cường công tác PCTH thuốc lá và xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá trong thời gian tới.

* + 1. *Cỡ mẫu và chọn mẫu*

- Đối với các bệnh viện trung ương: Mỗi đơn vị lấy 80 phiếu hỏi tự điền

- Đối với các cơ sở y tế tuyến tỉnh/thành phố: Mỗi cơ sở y tế tại 01 tỉnh lấy 50 phiếu hỏi tự điền, mỗi tỉnh lấy 02 cơ sở y tế.

- Tổng mẫu nghiên cứu: 2.200 phiếu (Tổng số phiếu phát ra là 2.200 phiếu).

- Phát phiếu bảng hỏi tự điền.

* + 1. *Công cụ nghiên cứu*

Mẫu: Bảng hỏi tự điền “Đánh giá tình hình thực hiện môi trường không khói thuốc lá tại các cơ sở y tế”(Chi tiết tại Phụ lục 1)

*3.3.4. Cách tiếp cận:*

 - Cán bộ điều tra: Đ­ược tập huấn về các bộ công cụ nghiên cứu tr­ước khi triển khai nghiên cứu tại các đơn vị.

 - Thu thập số liệu và phân tích số liệu bằng biểu mẫu thống kê.

 - Triển khai nghiên cứu thực địa: Các hoạt động nghiên cứu tại đơn vị có sự phối hợp của Ban Chấp hành công đoàn cơ sở các đơn vị nghiên cứu.

## Quản lý, xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được làm sạch và nhập liệu bằng phần mềm SPSS 22.0. Các thông số được tính toán và trình bày bằng các bảng, biểu đồ bao gồm số lượng, giá trị %, giá trị p và tỷ suất chênh OR.

Các phiếu được kiểm tra về tính logic và đầy đủ thông tin, số liệu được làm sạch trước khi mã hóa, để nhập liệu và phân tích số liệu.

Số liệu thu thập được phân tích và xử lý trên máy tính bằng phần mềm SPSS 22.0.

## Sai số nghiên cứu

* + 1. *Các sai số có thể gặp trong quá trình nghiên cứu.*

Sai số thu thập thông tin: do thu thập thông tin qua phiếu tự điền, đối tượng có thể hiểu sai ý câu hỏi, hoặc câu trả lời bị ảnh hưởng từ những đối tượng khác

Sai số do kỹ năng thu thập thông tin của điều tra viên

Sai số nhớ lại: có thể đối tượng không nhớ, hoặc nhớ sai thông tin.

* + 1. *Các biện pháp hạn chế sai số.*

Bộ câu hỏi được thiết kế đơn giản, dễ hiểu tránh hiểu nhầm

Điều tra viên được tập huấn kỹ càng.

Làm sạch số liệu đã thu thập trước khi phân tích.

## Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu hoàn toàn không gây tổn hại ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe, cuộc sống của đối tượng tham gia nghiên cứu. Các đối tượng tham gia nghiên cứu được giải thích rõ mục đích, ý nghĩa và nội dung nghiên cứu.

Chỉ những người đồng ý tham gia mới được phỏng vấn. Đối tượng được thông báo có thể từ chối khi không muốn tiếp tục tham gia trả lời phỏng vấn tự điền. Ngoài ra các thông tin cá nhân của đối tượng nghiên cứu được bảo mật và chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu, không dùng cho bất cứ mục đích nào khác.

# PHẦN 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

## 4.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

### *4.1.1. Về đặc điểm phân bố của các đối tượng nghiên cứu*

Trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu, nhóm nghiên cứu chúng tôi đã tiến hành khảo sát tại 33cơ sở y tế từ trung ương đến địa phương với 2.200 phiếu khảo sát được phát ra cho cán bộ, nhân viên y tế tại các đơn vị này.

Số phiếu hợp lệ thu về là 2.120 phiếu, trong đó có 07 bệnh viện Trung ương với 680 đối tượng nghiên cứu (chiếm 32,1%); 17 bệnh viện tỉnh, thành phố với 750 đối tượng nghiên cứu (chiếm 35,4%); 06 bệnh viện của các trường đại học, viện nghiên cứu với 540 đối tượng nghiên cứu (chiếm 25,4%) và 03 trung tâm y tế tỉnh với 150 đối tượng nghiên cứu (chiếm 7,1%).

*Biểu đồ 1: Đặc điểm phân bố của các đối tượng nghiên cứu*

### *4.1.2. Tỷ lệ phân bố giới tính, tuổi đời và trình độ chuyên môn của các đối tượng nghiên cứu*

Với 2.120 nhân viên y tế tham gia trả lời phỏng vấn có 762 nam (chiếm 35,9%) và 1.358 nữ (chiếm 64,1%) trong đó đa số là nằm trong độ tuổi từ 30 đến 40 tuổi (chiếm 41%) và ít nhất là các đối tượng trên 50 tuổi (chiếm 6.5%).. Về trình độ chuyên môn, hầu hết có trình độ đại học (chiếm 55,5%); sau đại học cũng chiếm 14,6%; trung cấp chiếm 23,4% và thấp nhất là tốt nghiệp trung học phổ thông với 6,5%.

Trong số 2.120 nhân viên y tế, có 29.3% là bác sỹ, 46.7% là điều dưỡng, 2.4% đối tượng nghiên cứu là hộ lý và 18.6% là nhân viên hành chính (Bảng 1).

*Bảng 1: Tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn và nghề nghiệp*

*của đối tượng nghiên cứu*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Số lượng** | **Tỉ lệ** |
| **Giới** |
| *Nam*  | *762* | *35,9* |
| *Nữ* | *1.358* | *64,1* |
| **Tuổi** |
| *Dưới 30 tuổi* | *671* | *31,7* |
| *Từ 30- dưới 40 tuổi* | *869* | *41,0* |
| *Từ 40- dưới 50 tuổi* | *442* | *20,8* |
| *Từ 50 tuổi trở lên* | *138* | *6,5* |
| **Trình độ chuyên môn**  |
| *Sau đại học* | *310* | *14,6* |
| *Đại học/ Cao đẳng* | *1.175* | *55,5* |
| *Trung cấp* | *497* | *23,4* |
| *Tốt nghiệp PTTH* | *138* | *6,5* |
| **Nghề nghiệp** |  |  |
| *Bác sỹ* | *622* | *29.3* |
| *Điều dưỡng* | *991* | *46.7* |
| *Hộ lý* | *51* | *2.4* |
| *Nhân viên hành chính* | *395* | *18.6* |
| *Khác* | *61* | *3.0* |

### *4.1.3. Thời gian làm việc, địa điểm làm việc và tính chất công việc của các đối tượng nghiên cứu.*

 Có 1.358 nhân viên y tế cho biết thời gian làm việc của họ là vào ban ngày (chiếm 64,1%); 35,6% có thời gian làm việc tùy từng thời điểm (lúc ban ngày, lúc buổi tối, lúc ban đêm).

Về địa điểm làm việc của đối tượng nghiên cứu, chỉ có 10,9% nhân viên y tế làm việc tại phòng riêng; 42,8% nhân viên y tế làm việc trong phòng đông người; 30% làm việc ở những khu vực chung và 16,2% không có địa điểm cố định.

 Trong số 2.120 đối tượng nghiên cứu, có 75,7% nhân viên y tế thường xuyên tiếp xúc với người bệnh trong quá trình làm việc.

*Bảng 2: Thời gian làm việc, địa điểm làm việc và tính chất công việc của*

*đối tượng nghiên cứu*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Số lượng** | **Tỉ lệ** |
| **Thời gian làm việc** |
| *Ban ngày* | *1.358* | *64,1* |
| *Buổi tối* | *3* | *0,1* |
| *Ban đêm* | *4* | *0,2* |
| *Tùy từng thời điểm* | *755* | *35,6* |
| **Địa điểm làm việc** |
| *Trong phòng riêng* | *232* | *10,9* |
| *Trong phòng đông người* | *908* | *42,8* |
| *Những khu vực chung* | *637* | *30,0* |
| *Không có địa điểm cố định* | *343* | *16,2* |
| **Tính chất công việc: Tiếp xúc với người bệnh** |
| *Có* | *1.604* | *75,7* |
| *Không* | *467* | *22,0* |
| *Không trả lời* | *49* | *2,3* |

* 1. **Kiến thức về tác hại của thuốc lá và các quy định cấm hút thuốc lá tại các cơ sở y tế của nhân viên y tế.**
		1. *Kiến thức về tác hại của hút thuốc chủ động và thụ động*
1. Đối với hút thuốc lá chủ động

Khi được hỏi về tác hại của hút thuốc lá chủ động, đa số các đối tượng nghiên cứu đều khẳng định: hút thuốc lá chủ động gây tai biến mạch máu não (máu đóng cục trong não gây liệt) (với 1.692 số phiếu trả lời có, chiếm tỉ lệ 79,8% ); gây ảnh hưởng đến thai nhi và trẻ em (với 1.909 số phiếu trả lời có, chiếm tỉ lệ 90%); gây ung thư phổi (với 2.060 số phiếu trả lời có, chiếm tỉ lệ 97.2%); gây ung thư vòm họng (với 1.930 số phiếu trả lời có, chiếm 91.0%), gây cao huyết áp (với 1.549 số phiếu trả lời có, chiếm 73.1%), gây sảy thai (với 1.326 số phiếu trả lời có, chiếm 62.5%), gây loét dạ dày (với 998 số phiếu trả lời có, chiếm 47.1%), gây bệnh tim (với 1.526 số phiếu trả lời có, chiếm 72.0%). Và đa số các đối tượng nghiên cứu đều cho rằng hút thuốc lá chủ động không làm tăng khả năng tình dục (với 1.764 số phiếu trả lời không, chiếm 83.2%); không có tác dụng giảm béo (với 1.625 số phiếu trả lời không, chiếm 76.7%) và không làm tăng khả năng tập trung, sáng tạo (với 1.560 số phiếu trả lời không, chiếm 73.6%)

*Biểu đồ 2: Kiến thức về tác hại của thuốc lá chủ động*

1. Sự nguy hiểm của hút thuốc lá thụ động

Cũng tương tự như vậy, khi được hỏi về tác hại của hút thuốc lá thụ động, đa số các đối tượng nghiên cứu đều cho biết hút thuốc lá thụ động gây nên các tình trạng nguy hiểm như tai biến mạch máu não, đột quỵ; ảnh hưởng đến thai nhi và trẻ em, ung thư phổi, ung thư vòm họng, cao huyết áp và bệnh tim v.v... (với tỉ lệ từ 60,5%-90,7%). Trong đó tỉ lệ cao nhất là gây ung thư phổi (với 1.922 số phiếu trả lời có, chiếm tỉ lệ 90,7%); tiếp đó là gây ảnh hưởng đến thai nhi và trẻ em (với 1.902 số phiếu trả lời có, chiếm tỉ lệ 89,7%) và thấp nhất là gây loét dạ dày (với 760 số phiếu trả lời có, chiếm tỉ lệ 35,8%).

*Biểu đồ 3: Kiến thức về tác hại của hút thuốc lá thụ động*

* + 1. *Những biện pháp để hạn chế ảnh hưởng của khói thuốc*

*Biểu đồ 4: Các biện pháp hạn chế ảnh hưởng của khói thuốc lá*

Với câu hỏi cần phải làm gì để hạn chế ảnh hưởng của khói thuốc lá, chúng tôi đã đưa ra một số phương án chọn lựa cho các đối tượng nghiên cứu. Trong đó, biện pháp không hút thuốc ở nơi đông người được lựa chọn nhiều nhất (chiếm 89,6%); tiếp đó là không hút thuốc trong nhà (chiếm 81,6%); biện pháp thắp nến hoặc đặt chậu nước trong phòng khi đang hút thuốc ít được lựa chọn nhất (chiếm tỉ lệ 14,1%). Chỉ có 2,1% số đối tượng nghiên cứu chọn lựa phương án không làm gì cả để hạn chế ảnh hưởng của khói thuốc lá.

* + 1. *Nguồn cung cấp thông tin về tác hại của thuốc lá*

Khi được hỏi nguồn cung cấp thông tin về tác hại của thuốc lá, đa số các đối tượng nghiên cứu cho biết là từ Ti vi; Sách báo; Đài, loa phát thanh; Tranh ảnh, pano, áp phích; Nhân viên Y tế, Internet...(chiếm tỉ lệ từ 82,1%-92,9%) trong đó cao nhất là từ Ti vi với 1.969 đối tượng nghiên cứu lựa chọn phương tiện này (chiếm 92,9%). Các phương tiện truyền thông về tác hại của thuốc lá ít được lựa chọn hơn bao gồm Tờ rơi; từ Công đoàn cơ quan; từ Cán bộ phụ nữ, đoàn thanh niên; từ Bạn bè hay bố mẹ, người thân trong gia đình (chiếm tỉ lệ từ 53,5%-72,3%).

*Biểu đồ 5: Nguồn cung cấp thông tin về tác hại của thuốc lá*

* + 1. *Hiểu biết của nhân viên y tế về các văn bản, quy định cấm hút thuốc lá tại các cơ sở y tế*

Có 69.5% nhân viên y tế trả lời có biết các văn bản, quy định về việc cấm hút thuốc lá tại các cơ sở y tế trong đó có 14.5% đối tượng nghiên cứu kể tên được Công ước khung về kiểm soát thuốc lá và 69.5% nêu được tên của Luật PCTHTL.

Về địa điểm cấm hút thuốc lá; có 73.3% nhân viên y tế lựa chọn trường học (từ mẫu giáo đến đại học); 66.8% lựa chọn phương tiện giao thông công cộng; 79.2% lựa chọn bệnh viện, cơ sở y tế; 73.1% lựa chọn văn phòng cơ quan nhà nước; 24.6% lựa chọn nhà hàng, quán cà phê, quán nước; 59.7% lựa chọn rạp chiếu phim, rạp hát và chỉ có 3% trả lời không có quy định về địa điểm cấm hút thuốc lá.

*Biểu đồ 6. Hiểu biết của nhân viên y tế về địa điểm cấm hút thuốc lá*

* 1. **Thái độ, phản ứng của nhân viên y tế khi hít phải khói thuốc lá**
		1. *Thái độ của nhân viên y tế khi hít phải khói thuốc lá*

*Biểu đồ 7: Thái độ của nhân viên y tế khi hít phải khói thuốc lá*

Trong số 2.120 đối tượng nghiên cứu, có tới 1.300 đối tượng (chiếm 61,3%) cảm thấy khó chịu và 718 đối tượng nghiên cứu (chiếm 33,9%) cảm thấy không chấp nhận được khi hít phải khói thuốc lá. Chỉ có 102 đối tượng nghiên cứu (chiếm 4,8%) cho biết cảm thấy bình thường khi hít phải khói thuốc lá. Nguyên nhân chính làm cho người trả lời cảm thấy khó chịu hay không chấp nhận được là vì họ thấy khó chịu với mùi khói thuốc (chiếm 82,4%); tiếp đến là lo lắng có thể mắc bệnh khi hít phải khói thuốc (chiếm 70,7%) và có tới 44,4% đối tượng nghiên cứu coi đây là hành vi thiếu văn hóa.

 *Biểu đồ 8. Lý do cảm thấy khói chịu khi hít phải khói thuốc lá*

* + 1. *Phản ứng của nhân viên y tế khi bắt gặp người hút thuốc lá*

Trong số 2.120 nhân viên y tế tham gia trả lời phỏng vấn, có 295 người (chiếm 13,9%) bỏ đi mà không có phản ứng gì khi nhìn thấy người hút thuốc lá. Có 1.742 đối tượng cho biết sẽ nhắc nhở người hút thuốc không được tiếp tục hút trong bệnh viện (chiếm 82,2%) và chỉ có 3,9% số người được hỏi cho biết sẽ mời người hút thuốc ra khỏi bệnh viện.

Có rất nhiều lí do đưa ra giải thích cho việc nhân viên y tế bỏ đi mà không có phản ứng gì khi bắt gặp người hút thuốc như: còn rất nhiều người hút thuốc vì vậy có nhắc nhở cũng không cải thiện được tình hình; đã có người nhà bệnh nhân phản ứng tiêu cực khi bị nhắc nhở; do ngại va chạm và cả nể đặc biệt nếu gặp người hút thuốc là đồng nghiệp trong cơ quan; nhắc nhở quá nhiều nhưng không hiệu quả, lo ngại bị hành hung hay do bản thân mình vẫn còn hút thuốc lá nên e ngại không dám nhắc nhở....

*Biểu đồ 9: Phản ứng của nhân viên y tế khi bắt gặp người hút thuốc lá*

* 1. **Hành vi hút thuốc lá tại bệnh viện**
		1. *Hành vi hút thuốc lá của nhân viên y tế tại bệnh viện*

Trong số 2.120 nhân viên y tế tham gia trả lời phỏng vấn, có 1.683 người chưa bao giờ hút thuốc lá (chiếm 79,4%), 282 người trước kia có hút thuốc nhưng hiện tại đã bỏ (chiếm 13,3%). Hiện có 155 nhân viên y tế còn hút thuốc trong đó 90 người không hút hàng ngày (chiếm 4,2%) và 3,1% nhân viên y tế còn hút thuốc hàng ngày.

Theo ý kiến của 437 người từng hút thuốc lá, nguyên nhân chính khiến họ hút thuốc là do bạn bè mời mọc (chiếm 40,7%), tiếp đến là để giảm căng thẳng (chiếm 35,2%) hay do thói quen không bỏ được (chiếm 24,5%). Lí do giảm cân được ít người lựa chọn nhất (chỉ với 2,3%).

Với 155 nhân viên y tế còn hút thuốc lá, có tới 66 người (chiếm 42,6%) còn hút thuốc lá tại nơi làm việc. Trong số đó 100% hút thuốc tại khu vực sân, vườn hoa, khu vệ sinh (với 25,8% thường xuyên và 74,2% thỉnh thoảng), tiếp đến là khu vực căng tin, nhà ăn (với 15,2% thương xuyên và 62,1% thỉnh thoảng). Phòng bệnh, buồng bệnh là nơi có tỉ lệ nhân viên y tế hút thuốc ít nhất (4,6% thường xuyên và 12,1% thỉnh thoảng).

*Bảng 3: Hành vi hút thuốc lá của nhân viên y tế tại bệnh viện*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Tỉ lệ (%)** |
| 1 | **Hành vi hút thuốc lá của nhân viên y tế** | **2,120** | **100** |
|  | *Có, hàng ngày* | *65* | *3,1* |
|  | *Có, nhưng không hút hàng ngày* | *90* | *4,2* |
|  | *Không, nhưng trước kia có hút* | *282* | *13,3* |
|  | *Chưa bao giờ hút* | *1.683* | *79,4* |
| 2 | **Lí do khiến nhân viên y tế hút thuốc lá** | **437** | **100** |
|  | Bạn bè mời thì hút | *178* | *40,7* |
|  | Giảm căng thẳng | *154* | *35,2* |
|  | Giảm cân | *10* | *2,3* |
|  | Tăng sự tập trung, sáng tạo | *53* | *12,1* |
|  | Sống trong gia đình có người hút thuốc | *50* | *11,4* |
|  | Thói quen không bỏ được | *107* | *24,5* |
|  | Làm việc trong môi trường có người hút thuốc | *64* | *14,6* |
|  | Khác | *13* | *3,0* |
| 3 | **Nhân viên y tế hút thuốc tại cơ sở y tế** | **66** |  |
|  | Hút thuốc trong phòng làm việc, phòng họp | **19** | **28,8** |
|  | *Thường xuyên* | *4* | *6,1* |
|  | *Thỉnh thoảng* | *15* | *22,7* |
|  | Hút thuốc phòng bệnh, buồng bệnh | **11** | **16,7** |
|  | *Thường xuyên* | *3* | *4,6* |
|  | *Thỉnh thoảng* | *8* | *12,1* |
|  | Hút thuốc ở hành lang/cầu thang | **42** | **63,6** |
|  | *Thường xuyên* | *11* | *16,7* |
|  | *Thỉnh thoảng* | *31* | *46,9* |
|  | Hút thuốc ở căng tin/nhà ăn | **51** | **77,3** |
|  | *Thường xuyên* | *10* | *15,2* |
|  | *Thỉnh thoảng* | *41* | *62,1* |
|  | Hút thuốc ở khu vực sân, vườn hoa, khu vệ sinh | **66** | **100** |
|  | *Thường xuyên* | *17* | *25,8* |
|  | *Thỉnh thoảng* | *49* | *74,2* |
|  | Hút thuốc ở khu vực riêng (nếu đơn vị có bố trí) | **31** | **46,9** |
|  | *Thường xuyên* | *9* | *13,6* |
|  | *Thỉnh thoảng* | *22* | *33,3* |

* + 1. *Hành vi hút thuốc lá tại các bệnh viện*

Có 1.496 nhân viên y tế (chiếm 70,6%) cho biết thỉnh thoảng vẫn còn thấy đồng nghiệp, người bệnh hay người nhà người bệnh hút thuốc lá trong khuôn viên bệnh viện, tỉ lệ bắt gặp thường xuyên là 14,8% và rất thường xuyên là 9,6%.

*Biểu đồ 10: Hành vi hút thuốc lá tại bệnh viện*

 Địa điểm hay bắt gặp người hút thuốc nhất là ở khu vực ngoài nhà, sân hay khu vệ sinh trong đó thường xuyên bắt gặp là 16,6%, rất thường xuyên bắt gặp là 8,2% và thỉnh thoảng bắt gặp là 53,2%; khu buồng bệnh, phòng bệnh ít bắt gặp các đối tượng hút thuốc nhất (thỉnh thoảng bắt gặp 18,4%, thường xuyên bắt gặp 1,5% và rất thường xuyên là 0,6%)

*Biểu đồ 11: Địa điểm bắt gặp người hút thuốc lá trong bệnh viện*

 Theo các nhân viên y tế, thời điểm hay bắt gặp người hút thuốc lá nhất là vào ban ngày trong đó thường xuyên bắt gặp là 17,5%, rất thường xuyên là 4,1% và thỉnh thoảng là 63,7%.

*Biểu đồ 12: Thời điểm bắt gặp người hút thuốc lá trong bệnh viện*

Các nhân viên y tế cho biết họ vẫn còn hít phải khói thuốc lá tại đơn vị, trong đó địa điểm phơi nhiễm nhiều nhất là ở khu vực căng tin, nhà ăn (thường xuyên là 15,5%; thỉnh thoảng là 42,6%) hay ở hành lang, cầu thang (thường xuyên là 10,5%; thỉnh thoảng là 46,2%).

*Biểu đồ 13: Thực trạng phơi nhiễm khói thuốc lá tại đơn vị*

Trong vòng một tháng qua, có tới 68,3% nhân viên y tế cho biết vẫn còn hiện tượng hút thuốc lá trong đơn vị; trong đó 58,8% nhìn thấy người hút thuốc, 40% thấy có nhiều đầu mẩu hoặc tàn thuốc lá và 33,1% ngửi thấy mùi thuốc lá trong không khí.

* 1. **Thực trạng việc thực hiện môi trường không khói thuốc lá tại đơn vị**
		1. *Về quy định, nội quy cấm hút thuốc lá tại đơn vị*

Có 2.055 nhân viên y tế (chiếm 96,9%) cho biết cơ quan có quy định hoặc nội quy cấm hút thuốc lá tại đơn vị, chỉ có 1,0% trả lời không có và 2,1% trả lời không biết có quy định này tại cơ quan.

Nội quy cấm hút thuốc lá ở cơ quan thường được nhắc nhở tới nhân viên y tế hàng ngày (chiếm tỉ lệ 52,6%), hàng tuần (chiếm tỉ lệ 13,8%) hay hàng tháng (chiếm tỉ lệ 19,2%). Và có 1.800 đối tượng nghiên cứu (chiếm tỉ lệ 84,9%) cho biết các quy định này đã được phổ biến đến người bệnh, người nhà người bệnh. Việc phổ biến nội quy được thực hiện bằng rất nhiều hình thức như: nhắc nhở trong các buổi họp hội đồng người bệnh; nhân viên y tế nhắc nhở khi đi các buồng bệnh hàng ngày; nhắc nhở ngay khi bệnh nhân nhập viện, nhắc nhở thông qua hệ thống loa, đài trong bệnh viện, thông qua hệ thống tranh ảnh, pano, áp phích, biển báo cấm v.v...

Tại các đơn vị, nội quy cấm hút thuốc đã được đưa vào tiêu chí đánh giá thi đua khen thưởng (chiếm 62,7%) và hàng năm bệnh viện có tổng kết, đánh giá, khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng cơ sở y tế không khói thuốc lá (chiếm 45,2%).

Có tới 1.561 nhân viên y tế (chiếm 73,6%) cho biết vẫn còn địa điểm bán thuốc lá trong vòng bán kính 100m kể từ cổng bệnh viện.

*Bảng 4: Quy định “Cấm hút thuốc lá” tại cơ quan, đơn vị*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Tỉ lệ (%)** |
| 1 | **Quy định, nội quy cấm hút thuốc lá tại cơ quan, đơn vị** |  |  |
|  | *Có* | *2.055* | *96,9* |
|  | *Không* | *20* | *0.9* |
|  | *Không biết* | *45* | *2.1* |
| 2 | **Quy định, nội quy cấm hút thuốc lá tại đơn vị thường được nhắc nhở khi nào?** |  |  |
|  | *Hàng ngày* | *1.115* | *52,6* |
|  | *Hàng tuần* | *293* | *13,8* |
|  | *Hàng tháng* | *408* | *19,2* |
|  | *Khác* | *126* | *5,9* |
|  | *Không trả lời* | *178* | *8,4* |
| 3 | **Quy định cấm hút thuốc lá có được phổ biến đến người bệnh, người nhà người bệnh không?** |  |  |
|  | *Có* | *1.800* | *84,9* |
|  | *Không* | *320* | *15.1* |
| 4 | **Quy định cấm hút thuốc lá có được đưa vào tiêu chí thi đua khen thưởng tại đơn vị không?** |  |  |
|  | *Có* | *1.330* | *62,7* |
|  | *Không* | *363* | *17,1* |
|  | *Không biết* | *320* | *15,1* |
|  | *Không trả lời* | *107* | *5,0* |
| 5 | **Cuối năm, đơn vị có tiến hành tổng kết, đánh giá, khen thưởng những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng cơ sở y tế không khói thuốc lá không?** |  |  |
|  | *Có* | *959* | *45,2* |
|  | *Không* | *607* | *28,6* |
|  | *Không biết* | *387* | *18,3* |
|  | *Không trả lời* | *167* | *7,9* |

Theo ý kiến của các nhân viên y tế, việc thực thi quy định “Cấm hút thuốc lá” đang được thực hiện tốt nhất là ở khu vực phòng làm việc hoặc phòng họp (với 79% câu trả lời là Tốt) hay ở phòng bệnh, buồng bệnh (với 71,1% câu trả lời là Tốt).

*Biểu đồ 14: Việc thực thi quy định cấm hút thuốc lá tại đơn vị*

* + 1. *Về công tác truyền thông phòng, chống tác hại của thuốc lá tại đơn vị*

Có 93,1% nhân viên y tế cho biết cơ quan có gắn biển báo “Cấm hút thuốc lá” tại đơn vị, trong đó vị trí treo nhiều nhất là ở lối đi, hành lang (chiếm tỉ lệ 89,9%) và ít nhất là ở căng tin, nhà ăn (chiếm tỉ lệ 47,1%).

*Bảng 5: Biển báo “Cấm hút thuốc lá” tại đơn vị*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Tỉ lệ (%)** |
| 1 | **Cơ quan anh/chị có gắn biển báo “Cấm hút thuốc lá” không?** |  |  |
|  | *Có* | *1.974* | *93,1* |
|  | *Không* | *146* | *6,9* |
| 2 | **Địa điểm gắn biển báo “Cấm hút thuốc lá” tại đơn vị** |  |  |
|  | *Trong phòng làm việc* | *1.156* | *54,5* |
|  | *Lối đi, hành lang* | *1.905* | *89,9* |
|  | *Phòng họp* | *1.255* | *59,2* |
|  | *Sân, khuôn viên, vườn hoa* | *1.208* | *57,0* |
|  | *Căng tin, nhà ăn* | *998* | *47,1* |
|  | *Khác* | *64* | *3,0* |

Có 1.790 nhân viên y tế (chiếm 84,4%) cho biết có treo tranh ảnh, pano, áp phích tuyên truyền phòng, chống tác hại của thuốc lá tại cơ quan, đơn vị; trong đó nhiều nhất là ở lối đi và hành lang (chiếm 77,2%) và ít nhất ở phòng họp (chiếm 38,5%).

*Bảng 6: Tranh, ảnh, pano, áp phích phòng, chống tác hại của thuốc lá tại đơn vị*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Tỉ lệ (%)** |
| 1 | **Cơ quan anh/chị có treo các pano/áp phích/tranh ảnh về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe tại đơn vị không?** |  |  |
|  | *Có* | *1.790* | *84,4* |
|  | *Không* | *330* | *15,6* |
| 2 | **Địa điểm có treo các pano/áp phích/tranh ảnh về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe** |  |  |
|  | *Trong phòng làm việc* | *850* | *40,1* |
|  | *Phòng bệnh, buồng bệnh* | *1.107* | *52,2* |
|  | *Lối đi, hành lang* | *1.637* | *77,2* |
|  | *Phòng họp* | *816* | *38,5* |
|  | *Sân, khuôn viên bên ngoài nơi làm việc* | *1.012* | *47,7* |
|  | *Khác* | *27* | *1,3* |

Về Lễ phát động xây dựng môi trường làm việc không khói thuốc, có 69,5% đối tượng nghiên cứu khẳng định đơn vị có tổ chức Lễ phát động để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cam kết, hưởng ứng việc triển khai xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá.

*Biểu đồ 15: Tổ chức Lễ phát động xây dựng môi trường làm việc*

*không khói thuốc lá*

* + 1. *Xử lý các hành vi vi phạm về phòng, chống tác hại của thuốc lá tại các cơ sở y tế*

 Trong số 2.120 nhân viên y tế tham gia trả lời phỏng vấn, có 1.129 đối tượng (chiếm 53,3%) cho biết đơn vị có biện pháp xử phạt đối với các hành vi hút thuốc lá tại nơi làm việc. Đối với nhân viên y tế, hình thức xử phạt chủ yếu là phạt tiền cảnh cáo, cắt thi đua khen thưởng, hạ bậc thi đua. Đối với người bệnh và người nhà người bệnh, hình thức xử phạt mới chỉ dừng lại ở nhắc nhở ngừng hút thuốc lá hoặc mời ra khỏi khuôn viên bệnh viện.

*Biểu đồ 16: Xử lý vi phạm phòng, chống tác hại của thuốc lá*

* + 1. *Tư vấn của bác sỹ trong quá trình khám chữa bệnh*

Trong vòng một tháng khi tiến hành phỏng vấn, 100% các bác sỹ cho biết họ có hỏi xem bệnh nhân có hút thuốc lá hay không và nếu bệnh nhân có hút thuốc thì 100% bác sỹ khuyên bệnh nhân nên bỏ thuốc lá.

* + 1. *Công tác theo dõi và giám sát và báo cáo kết quả PCTH thuốc lá*

Có 69% nhân viên y tế cho biết đơn vị có phân công cho cán bộ hoặc bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc. Bộ phận chính được phân công thường là Ban chấp hành công đoàn, Phòng hành chính hoặc thành viên trong Ban chỉ đạo phòng, chống tác hại thuốc lá của đơn vị. Việc báo cáo được tiến hành định kỳ hàng tháng, hàng quý hoặc hàng năm.

* 1. ***Khó khăn trong việc xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá***

Nhiều ý kiến đã được đưa ra đối với câu hỏi về khó khăn trong việc xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá, trong đó tập trung vào các nội dung chính như: Nhân lực cho công tác phòng, chống tác hại thuốc lá còn quá ít, hầu hết là các cán bộ kiêm nhiệm công tác chuyên môn nhiều. Khuôn viên bệnh viện thường rộng, các đối tượng đến khám chữa bệnh bao gồm nhiều thành phần trong xã hội. Chưa có biện pháp và chế tài xử phạt thỏa đáng đối với người bệnh, người nhà người bệnh về các hành vi vi phạm về PCTHTL trong bệnh viện. Kinh phí cho hoạt động PCTHTL còn ít, chưa được quan tâm đúng mức. Việc mua bán thuốc lá vẫn còn rất dễ dàng. Nhận thức về tác hại thuốc lá của người dân còn kém. Hút thuốc lá là một thói quen khó bỏ. Các biện pháp tuyên truyền chưa được thường xuyên và liên tục.

* 1. ***Một số biện pháp đẩy mạnh* *công tác Phòng chống tác hại thuốc lá và xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá***

Các biện pháp nhằm đẩy mạnh công tác PCTHTL và triển khai xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá được các đối tượng nghiên cứu đề xuất bao gồm: Tăng cường tuyên truyền về tác hại của thuốc lá, về Luật và thực thi Luật để nâng cao hiểu biết của người dân và cộng đồng. Bổ sung nhân lực, kinh phí cho hoạt động PCTHTL để hoạt động này được tiến hành thường xuyên và liên tục, đem lại hiệu quả cao và lâu dài. Thực hiện nghiêm quy định cấm bán thuốc lá trong bệnh viện và các cơ sở y tế. Về lâu dài cần tiến hành cấm sản xuất thuốc lá trong nước và nhập khẩu thuốc lá. Có chế tài xử phạt cụ thể và phải tiến hành xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm PCTHTL trong đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong bệnh viện đặc biệt là thời gian buổi tối và quanh các khu vực nóng như hành lang, cầu thang, sân, vườn, căng tin....

**PHẦN 5. BÀN LUẬN**

## *1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu*

Trong số 2.120 nhân viên y tế tham gia trả lời phỏng vấn, có 32,1% đối tượng nghiên cứu công tác tại các bệnh viện TW; 35,4% đối tượng nghiên cứu công tác tại các bệnh viện tỉnh, thành phố; 25,4% đối tượng nghiên cứu công tác tại các bệnh viện của các trường đại học và 7,1% đối tượng nghiên cứu công tác tại trung tâm y tế tỉnh, thành phố. Có thể thấy, đối tượng nghiên cứu của chúng tôi khá đa dạng. Điều này sẽ đảm bảo phần nào tính khách quan trong quá trình đánh giá, kết quả nghiên cứu sẽ thể hiện được đặc điểm chung của các cơ sở y tế trên cả nước.

Với 64,1% đối tượng nghiên cứu là nữ đã thể hiện đặc điểm chung ngành Y tế khi nữ giới chiếm tỉ lệ khá đông (theo thống kê tổng số nữ CBCCVCLĐ ngành Y tế chiếm trên 63%). Trình độ chuyên môn của các đối tượng nghiên cứu tương đối cao khi có tới trên 70% các đối tượng có trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học.

## *2. Về kiến thức của nhân viên y tế đối với tác hại của thuốc lá và thái độ đối với hành vi hút thuốc lá.*

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiểu biết của nhân viên y tế về tác hại của hút thuốc lá chủ động cao nhất là đối với ung thư phổi, ung thư vòm họng hay ảnh hưởng đến thai nhi và trẻ em (chiếm khoảng 90%). Như vậy, các nhóm bệnh hàng đầu do hút thuốc lá đều được biết, cho thấy tỉ lệ nhận thức cao của đối tượng nghiên cứu. Tuy nhiên, do đối tượng nghiên cứu là nhân viên y tế nên sự hiểu biết này dường như chưa đáp ứng được mong mỏi của cộng đồng bởi nhân viên y tế ngoài việc hiểu còn phải tuyên truyền cho người dân và cộng đồng về tác hại của thuốc lá.

Về các biện pháp hạn chế ảnh hưởng của khói thuốc lá, phương án được lựa chọn nhiều nhất là không hút thuốc lá ở nơi đông người (chiếm 89,6%) và không hút thuốc trong nhà (chiếm 81,6%). Những biện pháp khác ít được lựa chọn hơn là không mời người khác hút thuốc trong nhà (chiếm 79,9%) hay ngồi xa người khác khi hút thuốc (chiếm 75%). Điều này phù hợp với quy định của điều 11, Luật PCTH của thuốc lá, phản ánh nhận thức tốt của đối tượng nghiên cứu trong việc phòng tránh tác hại của thuốc lá thụ động cho những người xung quanh.

Về cảm nhận khi hít phải khói thuốc lá, có 61,3% nhân viên y tế cảm thấy khó chịu và 33,9% cảm thấy không chấp nhận được, chỉ có 4,8% cho biết cảm thấy bình thường khi hít phải khói thuốc lá. Nguyên nhân chính là vì họ thấy khó chịu với mùi khói thuốc (chiếm 82,4%); tiếp đến là lo lắng có thể mắc bệnh khi hít phải khói thuốc (chiếm 70,7%) hay coi đây là hành vi thiếu văn hóa (chiếm 44,4%). Rõ ràng, các đối tượng nghiên cứu cho thấy thái độ không hài lòng đối với hành vi hút thuốc lá. Đây cũng sẽ là điều kiện thuận lợi cho việc triển khai xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá bởi sự đồng thuận của các đối tượng nghiên cứu đối với chủ trương này.

## *3. Về hành vi hút thuốc lá (của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh và các đối tượng khác) tại các cơ sở y tế*

Về thói quen hút thuốc lá của nhân viên y tế, có tới 79,4% đối tượng nghiên cứu cho biết chưa bao giờ hút thuốc lá; và 13,3% có hút thuốc lá nhưng hiện tại đã bỏ (đây là tỉ lệ khá tốt); chỉ có 7,3% số đối tượng nghiên cứu còn hút thuốc lá. Đây cũng là điều hợp lý bởi đặc trưng về giới trong ngành Y tế khi nữ giới chiếm tỉ lệ khá cao (trên 60%). Việc triển khai thực thi Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá đối với nhân viên Y tế cũng có một phần thuận lợi do yếu tố này.

Theo ý kiến của các nhân viên y tế đã từng hút thuốc lá (chiếm tỉ lệ 7,3%); lí do chính khiến họ hút thuốc là do bạn bè mời mọc (chiếm 40,7%) hoặc để giảm căng thẳng (chiếm 35,2%) hay đơn giản đó là do thói quen không bỏ được (chiếm 24,5%). Nghề Y là một nghề đặc biệt, các nhân viên y tế, đặc biệt là các bác sỹ thường xuyên phải làm việc trong môi trường căng thẳng, giành giật sự sống cho bệnh nhân, vì vậy một thực tế không thể phủ nhận là vẫn còn tình trạng nhân viên y tế hút thuốc thậm chí là nghiện thuốc lá. Tuy nhiên, qua báo cáo kết quả quá trình kiểm tra, giám sát tại các cơ sở y tế hàng năm kể từ khi Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá có hiệu lực, Công đoàn Y tế Việt Nam nhận thấy tình trạng nhân viên y tế hút thuốc lá trong đơn vị đã giảm rõ rệt bởi những biện pháp xử phạt quyết liệt mà đơn vị đã áp dụng như cảnh cáo, cắt thi đua khen thưởng tháng, quý đối với trường hợp vi phạm đồng thời khen thưởng, động viên những cá nhân đã bỏ được thuốc lá hay có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá.

Tỉ lệ nhân viên y tế bắt gặp người hút thuốc lá trong bệnh viện chiếm tới 95%, trong đó địa điểm hay bắt gặp nhất là ở khu vực ngoài nhà, sân, khu vệ sinh (chiếm 78,1%) hay khu vực hành lang, cầu thang (chiếm 69,7%). Trong vòng một tháng khi tiến hành phỏng vấn, có tới 68,3% nhân viên y tế khẳng định vẫn còn hiện tượng hút thuốc lá trong đơn vị mình.

Công đoàn Y tế Việt Nam nhận thấy đây là một thực tế và là thực trạng chung tại các cơ sở y tế do việc triển khai xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá là một công cuộc khó khăn đầy thách thức. Tại các cơ sở y tế, đối tượng người bệnh và người nhà người bệnh là những đối tượng thường xuyên vi phạm quy định “Cấm hút thuốc lá” trong đơn vị. Do đặc thù lưu lượng ra vào của người bệnh, người nhà người bệnh hàng ngày rất đông nên việc kiểm tra, giám sát tại các khu vực khuất như hành lang hay khu vệ sinh còn gặp nhiều khó khăn vì lực lượng nhân viên y tế mỏng không đáp ứng được yêu cầu. Hơn nữa, thời gian lưu trú của người bệnh, người nhà người bệnh thường ngắn nên việc tuyên truyền, phổ biến về tác hại của thuốc lá, về quy định cấm hút thuốc lá trong đơn vị nếu không được tiến hành thường xuyên, liên tục sẽ không đem lại hiệu quả cao.

Một khó khăn nữa các cơ sở y tế gặp phải trong việc triển khai thực thi Luật PCTHTL đó là vẫn còn nhiều địa điểm bán thuốc lá xung quanh các cơ sở y tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 73,6% nhân viên y tế khẳng định trong vòng bán kính 100m kể từ cổng cơ quan, vẫn còn địa điểm bán thuốc lá. Theo quy định của Luật và cũng được sự triển khai quyết liệt tại các đơn vị, hiện tượng bày bán thuốc lá tại căng tin hay nhà ăn các bệnh viện hiện nay không còn nữa song việc mua bán thuốc lá ở ngoài cổng bệnh viện vẫn rất dễ dàng. Đây thực sự là một thách thức đối với việc triển khai xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá tại các bệnh viện nói riêng và các cơ sở y tế trong cả nước nói chung.

Về phản ứng của nhân viên y tế khi bắt gặp người hút thuốc lá, đa số mới chỉ dừng lại ở nhắc nhở yêu cầu người hút thuốc không được tiếp tục hút thuốc (chiếm 82,2%); chỉ có 3,9% số người được hỏi cho biết sẽ mời người hút thuốc ra khỏi khuôn viên bệnh viện. Theo kiến nghị của các bệnh viện đối với Công đoàn Y tế Việt Nam trong quá trình kiểm tra, giám sát xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá hàng năm; cần phải có một quy định cụ thể về chế tài xử phạt đối với hành vi hút thuốc lá trong bệnh viện. Nếu như nhân viên y tế khi vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy chế của đơn vị, thì đối với người bệnh, người nhà người bệnh lại chưa áp dụng được bất cứ hình thức xử phạt nào ngoài nhắc nhở. Thậm chí, việc nhắc nhở của nhân viên y tế đôi khi còn vấp phải phản ứng tiêu cực của đối tượng vi phạm. Mặc dù, điều 23 của Nghị định 176/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Thủ tướng chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế ghi rõ: “Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm”. Tuy nhiên, đến nay 100% các cơ sở y tế vẫn chưa áp dụng được quy định này.

Tất cả những thách thức trên đều đã được các đối tượng nghiên cứu khẳng định thông qua câu hỏi mở về những khó khăn trong việc xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá. Rõ ràng, khó khăn thách thức thì nhiều trong khi đó nhân lực cho hoạt động này lại quá mỏng và thường là các cán bộ kiêm nhiệm. Để việc triển khai thực thi Luật thực sự có hiệu quả, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt hơn nữa của Ban lãnh đạo, Ban giám đốc các đơn vị kết hợp với việc thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ hơn nữa trong thời gian tới.

## *Về thực trạng xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá tại các đơn vị*

* 1. *Về quy định, nội quy cấm hút thuốc lá tại cơ sở y tế*

Có 96,9% đối tượng nghiên cứu cho biết có quy định, nội quy cấm hút thuốc lá tại đơn vị, trong đó 85,6% khẳng định quy định này được nhắc nhở định kỳ tới nhân viên y tế và 84,9% khẳng định quy định này đã được phổ biến đến người bệnh, người nhà người bệnh bằng nhiều hình thức khác nhau.

Có 62,7% nhân viên y tế cho biết quy định “Cấm hút thuốc lá” đã được đưa vào tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng tại đơn vị và hàng năm có tiến hành tổng kết, đánh giá, khen thưởng những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng cơ sở y tế không khói thuốc lá (chiếm 45,2%). Như vậy, kể từ khi Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ra đời và có hiệu lực, các đơn vị đã quan tâm đến việc cụ thể hóa thực thi Luật bằng các quy định, nội quy đồng thời bước đầu triển khai động viên, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích trong triển khai xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá.

Theo ý kiến của các nhân viên y tế, việc thực thi quy định “Cấm hút thuốc lá” đang được thực hiện tốt nhất là ở khu vực phòng làm việc, phòng họp hoặc phòng bệnh, buồng bệnh và kém nhất là ở khu vực sân, vườn hoa, khu vệ sinh hoặc khu vực căng tin, nhà ăn. Điều này hoàn toàn phù hợp với kết quả nghiên cứu về hành vi hút thuốc lá tại cơ sở y tế ở trên.

### *Về công tác truyền thông phòng, chống tác hại của thuốc lá*

Có tới 93,1% nhân viên y tế khẳng định cơ quan có gắn biển báo “Cấm hút thuốc lá” và 84,4% cho biết có treo tranh ảnh, pano, áp phích tuyên truyền phòng, chống tác hại của thuốc lá tại cơ quan, đơn vị. Điều này đã thể hiện sự quan tâm của đơn vị trong việc truyền thông triển khai xây dựng cơ sở y tế không khói thuốc lá kể từ khi Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ra đời. Hàng năm, được sự hỗ trợ của Qũy phòng, chống tác hại của thuốc lá, Công đoàn Y tế Việt Nam đều tiến hành in biển báo cấm hút thuốc lá; tranh ảnh, pano, áp phích PCTHTL để chuyển về các công đoàn cơ sở trực thuộc, công đoàn ngành Y tế tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, qua kiến nghị của các đơn vị trong quá trình kiểm tra, giám sát hàng năm, nhu cầu về các tài liệu truyền thông và biển báo cấm hút thuốc tại cơ sở y tế vẫn còn thiếu nhiều do khuôn viên của các đơn vị rộng và các tài liệu thường bị hỏng qua các năm.

Lễ phát động xây dựng môi trường làm việc không khói thuốc lá để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cam kết, hưởng ứng là một hoạt động quan trọng nhằm đưa ra các tiêu chí thi đua, tạo điểm nhấn cho chiến dịch tăng cường thực thi Luật PCTHTL tại các cơ sở y tế trong cả nước. Có 69,5% nhân viên y tế cho biết đơn vị có tổ chức Lễ phát động này. Việc cung cấp thường xuyên các tài liệu truyền thông và tổ chức Lễ phát động thi đua tại đơn vị là việc làm rất cần thiết để việc triển khai xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá đạt hiệu quả cao hơn nữa trong thời gian tới.

### *4.3. Về tư vấn của bác sỹ trong quá trình khám chữa bệnh*

 Trong câu hỏi dành riêng cho bác sỹ, chúng tôi thu được kết quả là 100% bác sỹ khi khám bệnh có hỏi về tình trạng hút thuốc lá của bệnh nhân và 100% bác sỹ có khuyên bệnh nhân bỏ thuốc trong trường hợp người bệnh có hút thuốc lá. Với số lượng 622 bác sỹ trong tổng số 2.120 đối tượng nghiên cứu cho thấy các bác sỹ hiện nay đã rất quan tâm đến việc tư vấn về tác hại của thuốc lá và khuyến khích bệnh nhân bỏ thuốc lá để bảo vệ sức khỏe của người thân và cộng đồng.

**PHẦN 6. KẾT LUẬN**

Sau khi Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ra đời và có hiệu lực, được sự hỗ trợ của Qũy phòng, chống tác hại của thuốc lá, hàng năm Công đoàn Y tế Việt Nam đã tổ chức các lớp tập huấn cho CBCCVCLĐ ngành Y tế về tác hại của thuốc lá, về Luật và thực thi luật cũng như biện pháp xử phạt các hành vi vi phạm về phòng,chống tác hại của thuốc lá.

Hàng năm, phối hợp với Qũy phòng, chống tác hại của thuốc lá, Công đoàn Y tế Việt Nam cũng đã tổ chức các đoàn giám sát việc xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc từ trung ương đến địa phương. Kết quả giám sát cho thấy, tỉ lệ cán bộ, nhân viên y tế hút thuốc lá trong đơn vị đã giảm mạnh, nhận thức của cán bộ công nhân viên chức lao động về tác hại thuốc lá tăng rõ rệt, mọi người đều có trách nhiệm trong việc xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá. Môi trường cơ sở y tế thực sự đã trở nên trong lành hơn, ít mùi khói thuốc hơn.

Để đạt được những thành công bước đầu trong công tác xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá có rất nhiều nguyên nhân. Tuy nhiên, một đặc điểm chung dễ nhận thấy ở các đơn vị triển khai có hiệu quả công tác này đó chính là sự thống nhất cao từ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt khoa phòng đến từng CBCCVCLĐ trong đó Ban giám đốc đi đầu quyết liệt chỉ đạo công tác triển khai, thường xuyên giám sát, nhắc nhở và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các hoạt động. Tất cả các thành viên của đơn vị đều tham gia rất tích cực, các hoạt động được tiến hành thường xuyên, liên tục và mang tính thường nhật dưới nhiều hình thức phong phú. Hệ thống poster, tranh ảnh, áp phích tuyên truyền về tác hại của thuốc lá rất đa dạng và được treo, dán ở nhiều nơi dễ quan sát. Công tác truyền thông được tiến hành thường xuyên, liên tục với nhiều cấp độ. Nội quy cấm hút thuốc được nhắc lại ở các khoa phòng trong các buổi họp giao ban hàng ngày. Các điều dưỡng thường xuyên nhắc nhở bệnh nhân và người nhà bệnh nhân về tác hại của thuốc lá và nội quy cấm hút thuốc lá trong bệnh viện đặc biệt là trong các buổi họp hội đồng bệnh nhân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại trong quá trình triển khai xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá. Ở hầu hết các bệnh viện, vẫn còn tồn tại một số khu vực điểm nóng về tình trạng hút thuốc đặc biệt là vào buổi tối như khu vực phòng khám cấp cứu, khu vực hành lang, gầm cầu thang; khu vực liên khoa phòng v.v.... Điều này thực sự gây khó khăn cho lực lượng giám sát bởi đây là thời điểm số người giám sát tại các bệnh viện rất mỏng.

 Tại một số đơn vị, hoạt động của Ban Chỉ đạo PCTHTL tại một số đơn vị còn chung chung (chưa có kế hoạch thời gian, kinh phí cho từng công việc, thời gian hoàn thành). Công tác truyền thông, giám sát chưa được thực hiện thường xuyên. Kinh phí cho các hoạt động phòng chống tác hại của thuốc lá còn thấp. Số lượng biển báo và tranh áp - phích còn ít, pano về PCTHTL còn ít trong khi khuôn viên của hầu hết các bệnh viện rất rộng, hầu hết các đơn vị chưa có quy hoạch chung cho khu vực treo, dán các biển báo, bảng tin...Một số điểm trọng yếu như khuôn viên, vườn hoa vẫn còn đầu mẩu thuốc lá. Việc xử phạt mới chỉ dừng lại ở việc nhắc nhở. Các đơn vị còn nhiều lúng túng trong việc quy định chế tài xử phạt và sử dụng kinh phí thu được từ việc xử phạt các trường hợp vi phạm. Địa bàn rộng, lưu lượng người bệnh và người nhà đến các cơ sở khám chữa bệnh tương đối đông, khuôn viên một số đơn vị quá rộng. Do đó, việc tuyên truyền tác hại thuốc lá và quy định cấm hút thuốc tới người bệnh và người nhà người bệnh còn nhiều khó khăn.

**PHẦN 7. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. **Đối với Qũy phòng, chống tác hại của thuốc lá Bộ Y tế**

Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá tiếp tục giúp đỡ Công đoàn Y tế Việt Nam về nghiệp vụ và kinh phí để đa dạng hóa công tác truyền thông phòng chống tác hại của thuốc lá; tăng cường giám sát việc thực thi xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc đồng thời đẩy mạnh hoạt động tư vấn cai nghiện thuốc lá tại cơ sở.

1. **Đối với Công đoàn Y tế Việt Nam**

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn về tác hại của thuốc lá, tư vấn cai nghiện thuốc lá, về Luật và thực thi Luật PCTHTL tới toàn thể CBCNVCLĐ ngành Y tế để họ không chỉ hiểu biết mà còn phải là các tuyên truyền viên tích cực cho người dân và cộng đồng.

- Hướng dẫn các công đoàn cơ sở trực thuộc tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Thế giới phòng, chống thuốc lá hằng năm, gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng bệnh viện Xanh- Sạch- Đẹp”; tổ chức Lễ phát động xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá với những tiêu chí cụ thể để các cá nhân, tập thể tại đơn vị kí cam kết thi đua.

- Tổ chức gắn biển Công nhận “Bệnh viện Không khói thuốc lá” đối với những đơn vị, bệnh viện đã triển khai thành công xây dựng môi trường bệnh viện không khói thuốc lá (theo 10 tiêu chí đơn vị đã kí cam kết) và duy trì được thương xuyên môi trường trong lành, sạch, đẹp (thông qua kiểm tra giám sát hàng năm của CĐYTVN)

- Tích cực kiểm tra, giám sát việc xây dựng “Môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá”; xây dựng nội quy, quy chế, cam kết xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc một cách phù hợp với đặc điểm của đơn vị.

- Đa dạng hóa hơn nữa các hình thức truyền thông tới cán bộ đoàn viên ngành y tế và cộng đồng về tác hại của thuốc lá (Hội thảo, Hội thi, tổ chức Giải thể thao không thuốc lá ...), đồng thời tiếp tục phát động và nêu các gương điển hình trong cai nghiện thuốc lá thành công.

1. **Đối với các cơ sở y tế từ trung ương đến địa phương**

- Kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc hàng năm và phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên. Xây dựng kế hoạch hoạt động từng năm trong đó chi tiết về các chương trình hoạt động, thời gian và kinh phí thực hiện.

- Thành lập tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo, bổ sung thành phần là tổ vệ sinh và đội bảo vệ. Phân công cụ thể cho các thành viên trong tổ giúp việc trong đó chú trọng việc tăng cường công tác dọn vệ sinh, làm sạch ngoại cảnh của tổ vệ sinh và tăng cường kiểm tra, giám sát, nhắc nhở các trường hợp vi phạm của tổ bảo vệ.

- Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh: Quy hoạch vị trí và tăng cường treo biển báo cấm hút thuốc lá, các tranh ảnh, pano, áp phích phòng chống tác hại thuốc lá; thiết kế các mẫu tranh ảnh, áp phích phù hợp với bệnh viện, cơ quan, đơn vị.

- Thành lập tổ tư vấn cai nghiện thuốc lá tại các bệnh viện.

- Giám sát có hiệu quả việc không bán thuốc lá tại các căntin, dịch vụ ăn uống trong bệnh viện; Không quyết toán tiền mua thuốc lá trong tiếp khách, không nhận hỗ trợ, tài trợ dưới bất cứ hình thức nào của tổ chức có liên quan đến thuốc lá.

.

## PHỤ LỤC

 **PHIẾU KHẢO SÁT Mã phiếu:**

 ***(Dành cho cán bộ, nhân viên y tế)***

Ngày trả lời: ..../....../......................Đơn vị công tác: ....................................

**Thưa anh (chị):**

Công đoàn Y tế Việt Nam tiến hành khảo sát tình hình hút thuốc tại các cơ sở y tế để có những biện pháp can thiệp phù hợp trong thời gian tới nhằm xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá.

Xin anh/chị vui lòng cho biết ý kiến của mình theo các nội dung dưới đây. Những thông tin Anh, Chị cung cấp chỉ nhằm mục đích nghiên cứu ngoài ra không nhằm mục đích nào khác.

Xin trân trọng cảm ơn!

**\* Chú ý: Đánh dâu x vào** [\_] **và điền vào chỗ trống:.......... theo nội dung câu hỏi:**

**A. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI**

1. **Giới tính:**

1. Nam [\_] 2. Nữ [\_]

1. **Tuổi:**

1.< 30 tuổi [\_] 2. Từ 30 – 40 tuổi [\_]

3. Từ 40 – 50 tuổi [\_] 4. >50 tuổi [\_]

1. **Số năm công tác:…………………………...………………………..**
2. **Nghề nghiệp**

1. Bác sỹ [\_] 2. Điều dưỡng [\_] 3. Hộ lý [\_] 4. Nhân viên hành chính [\_]

5. Khác (ghi rõ) ..........................................

**A5. Đơn vị công tác (Khoa/phòng)**……………………………….…………………..

**A6. Thời gian làm việc tại bệnh viện/cơ sở y tế**

1. Ban ngày [\_] 2. Buổi tối [\_] 3. Ban đêm [\_] 4. Tùy từng thời điểm [\_]

**A7. Địa điểm làm việc**

1. Trong phòng riêng [\_] 2. Trong phòng đông người [\_] 3. Những khu vực chung [\_] 4. Không có địa điểm cố định [\_]

**A8. Công việc của anh/chị có phải tiếp xúc trực tiếp với người bệnh**

1. Có [\_] 2. Không [\_]

**A9. Chức vụ công tác**

1. Giám đốc/Phó giám đốc [\_] 2. Trưởng/Phó khoa/phòng [\_]

3. Bác sỹ/Nhân viên [\_] 4. Khác:……………………

**A10. Trình độ chuyên môn cao nhất**

1. Sau đại học [\_] 2. Đại học/Cao đẳng [\_] 3. Tốt nghiệp PTTH [\_] 4. Khác:……………………

**B. NHẬN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ VỀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG CƠ SỞ Y TẾ KHÔNG KHÓI THUỐC LÁ**

**B1. Theo anh/chị, hút thuốc lá chủ động có gây nên các tình trạng sau đây không?** *(Đánh dấu × vào tất cả các lựa chọn phù hợp)*

1. Tai biến mạch máu não, đột quỵ [\_] 7. Cao huyết áp [\_]

(Máu đóng cục trong não gây liệt)

1. Ảnh hưởng thai nhi và trẻ em [\_] 8. Giảm béo [\_]
2. Tăng khả năng tình dục [\_] 9. Loét dạ dày [\_]
3. Tăng sự tập trung/sáng tạo [\_] 10. Bệnh tim [\_]
4. Ung thư phổi [\_] 11. Khác:...............................
5. Ung thư vòm họng [\_]

**B2. Theo anh/chị hút thuốc lá thụ động có gây nên các tình trạng sau đây không?** *(Đánh dấu × vào tất cả các lựa chọn phù hợp)*

1. Tai biến mạch máu não [\_] 7. Cao huyết áp [\_]

 (Máu đóng cục trong não gây liệt)

1. Ảnh hưởng thai nhi và trẻ em [\_] 8. Giảm béo [\_]
2. Tăng khả năng tình dục [\_] 9. Loét dạ dày [\_]
3. Tăng sự tập trung/sáng tạo [\_] 10. Bệnh tim [\_]
4. Ung thư phổi [\_] 11. Sảy thai [\_]
5. Ung thư vòm họng [\_] 12. Khác:..............................

**B3. Theo anh/chị, cần làm gì để hạn chế ảnh hưởng của khói thuốc lá?** *(Đánh dấu × vào tất cả các lựa chọn phù hợp)*

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Không làm gì [\_]2. Không hút thuốc trong nhà [\_]3. Không hút thuốc nơi đông người [\_] 4. Không mời người khác hút thuốc ở trong nhà mình [\_] 5. Không để gạt tàn thuốc trong nhà [\_]6. Bảo người khác ngồi xa mình khi mình hút thuốc [\_]  | 7. Ngồi xa người khác khi hút thuốc [\_]8. Bật quạt [\_] 9. Mở cửa sổ [\_] 10. Đi sang phòng khác để hút [\_] 11. Ra ngoài hành lang, sân vườn [\_] 12. Thắp nến hoặc đặt chậu nước trong phòng khi đang hút thuốc [\_]13. Khác (ghi cụ thể)………...............…….14. Không biết [\_] |

**B4. Anh/chị cảm thấy thế nào khi hít phải khói thuốc?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Dễ chịu [\_] 2. Bình thường [\_]

3. Khó chịu [\_](Chuyển câu B5) 4. Không chấp nhận được [\_] (Chuyển câu B5)

**B5. Nếu khó chịu/không chấp nhận thì tại sao?** *(Đánh dấu × vào tất cả các lựa chọn phù hợp)*

1. Cảm thấy thiếu văn hóa 3. Lo lắng có thể mắc bệnh
2. Khó chịu vì hít phải khói thuốc 4. Khác:……………………….

**B6. Anh/chị nghe nói đến tác hại của thuốc lá từ nguồn nào*?*** *(Đánh dấu × vào tất cả các lựa chọn phù hợp)*

1. Đài, loa phát thanh [\_] 2. Ti vi [\_]

 3. Sách, báo [\_] 4. Tranh, ảnh, pa nô, áp phích [\_]

 5. Tờ rơi [\_] 6. Nhân viên y tế [\_]

 7. Cán bộ phụ nữ, thanh niên [\_] 8. Bố mẹ, người trong gia đình [\_]

 9. Bạn bè [\_] 10. Công đoàn cơ quan [\_]

 11. Internet [\_] 12. Khác*:*...................................

**B7. Hiện nay, anh/chị có hút thuốc không (thuốc lá, thuốc lào, tẩu*....)*** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

 1. Có, hàng ngày [\_]

 2. Có, nhưng không hút hàng ngày [\_]

 3. Không, nhưng trước kia có hút  [\_]

 4. Chưa bao giờ hút *(Chuyển câu B9)*  [\_]

**B8. Lý do khiến anh/chị hút thuốc** *(Đánh dấu × vào tất cả các lựa chọn phù hợp)*

1. Bạn bè mời thì hút [\_] 2. Giảm căng thẳng [\_]

3. Giảm cân [\_] 4. Tăng sự tập trung, sáng tạo [\_]

5. Sống trong gia đình có người hút thuốc [\_]

6. Làm việc trong môi trường có người hút thuốc [\_]

7. Khác..............................

**B9. Hiện tại Anh/Chị thường hút thuốc lá ở những khu vực nào trong cơ quan?** *(Trả lời cho từng địa điểm, tích x vào cột tương ứng)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Thường xuyên** | **Thỉnh thoảng** | **Không** |
| 1. Trong phòng làm việc, phòng họp
 |  |  |  |
| 1. Nơi chăm sóc người bệnh
 |  |  |  |
| 1. Ở hành lang/cầu thang
 |  |  |  |
| 1. Căng tin, nhà ăn
 |  |  |  |
| 1. Khu vực ngoài nhà/sân, khu vệ sinh
 |  |  |  |
| 1. Khu vực hút thuốc riêng (nếu đơn vị có bố trí)

Nếu có, ở đâu…………………………… |  |  |  |

**B10. Anh/chị có bao giờ nhìn thấy đồng nghiệp, người bệnh hay người nhà người bệnh hút thuốc trong khuôn viên cơ quan anh/chị làm việc không?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Không bao giờ [\_] (Chuyển câu B15) 3. Thường xuyên [\_]

2. Thỉnh thoảng [\_] 4. Rất thường xuyên [\_]

**B11. Anh/chị nhìn thấy đồng nghiệp, người bệnh hay người nhà người bệnh hút thuốc ở địa điểm nào?** (*Trả lời cho từng địa điểm, tích x vào cột tương ứng)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Thỉnh thoảng** | **Thường xuyên** | **Rất thường xuyên** |
| 1. Trong phòng làm việc, phòng họp  |  |  |  |
| 2. Nơi chăm sóc người bệnh |  |  |  |
| 3. Ở hành lang/cầu thang  |  |  |  |
| 4. Căng tin, nhà ăn  |  |  |  |
| 5. Khu vực ngoài nhà/sân, khu vệ sinh |  |  |  |

**B12. Anh/chị nhìn thấy đồng nghiệp, người bệnh hay người nhà người bệnh hút thuốc vào thời điểm nào?** (*Trả lời cho từng thời điểm, tích x vào cột tương ứng)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Thỉnh thoảng** | **Thường xuyên** | **Rất thường xuyên** |
| 1. Ban ngày |  |  |  |
| 2. Buổi tối |  |  |  |
| 3. Ban đêm  |  |  |  |

**B13. Phản ứng của anh/chị khi nhìn thấy đồng nghiệp, người bệnh hay người nhà người bệnh hút thuốc là gì?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Bỏ đi mà không có phản ứng gì [\_] (Chuyển câu B14)

2. Nhắc nhở không được tiếp tục hút thuốc [\_]

3. Mời ra khỏi cơ quan [\_]

4. Khác (ghi cụ thể):………………………………………………..

**B14. Lí do anh/chị không có phản ứng gì khi nhìn thấy đồng nghiệp, người bệnh hay người nhà người bệnh hút thuốc trong cơ quan?** *(Ghi cụ thể)*

*.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**B15. Anh/chị có biết các văn bản, quy định về việc cấm hút thuốc lá tại các cơ sở y tế không?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Có [\_] 2. Không [\_]*(Chuyển phần C)*

**B16. Nếu có, đó là những văn bản gì?**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tên văn bản, quy định*** | ***Nội dung chính của văn bản, quy định*** |
| ………………………………… | ………………………………………………… |
| ………………………………… | ………………………………………………… |
| ………………………………… | ………………………………………………… |
| ………………………………… | ………………………………………………… |

**B17. Theo anh/chị hiện đã có những quy định về cấm hút thuốc lá tại những nơi nào sau đây?**

1. Trường học (mẫu giáo đến đại học) [\_] 2. Trên phương tiện giao thông công cộng [\_]

3. Bệnh viện, cơ sở y tế [\_] 4. Văn phòng cơ quan nhà nước [\_]

5. Nhà hàng, quán cà phê, quán nước [\_] 6. Rạp chiếu phim, rạp hát [\_]

7. Không có quy định [\_] 8. Khác……………………………

**C**. **THỰC TRẠNG VIỆC THỰC HIỆN MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÓI THUỐC TẠI ĐƠN VỊ**

**C1. Cơ quan anh/chị có quy định/nội quy cấm hút thuốc tại đơn vị không*?*** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Có [\_] 2. Không [\_] *(Chuyển câu C7)*

3. Không biết [\_] *(Chuyển câu C7)*

**C2. Quy định/nội quy cấm hút thuốc lá tại đơn vị thường được nhắc nhở tới anh/chị khi nào?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Hàng ngày [\_] 2. Hàng tuần [\_]

3. Hàng tháng [\_] 4. Khác (ghi cụ thể):…………

**C3. Quy định cấm hút thuốc lá có được đưa vào tiêu chí thi đua, khen thưởng tại đơn vị không?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

 1. Có [\_] 2. Không [\_] 3. Không biết [\_]

**C4. Cuối năm đơn vị anh/chị có tiến hành tổng kết, đánh giá, khen thưởng những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng cơ sở y tế không khói thuốc lá hay không?**

*(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Có [\_] 2.Không [\_] 3. Không biết [\_]

**C5. Quy định cấm hút thuốc lá tại đơn vị anh/chị có được phổ biến, nhắc nhở đến người bệnh/người nhà người bệnh không?**

1. Có [\_] (Chuyển câu C6) 2. Không [\_] (*Chuyển câu C7*)

**C6. Nếu có, bằng nội dung và hình thức như thế nào?** *(Ghi cụ thể)*

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**C7. Anh/chị có thường xuyên hít phải khói thuốc lá tại các địa điểm sau đây tại cơ quan, đơn vị hay không?** *(Trả lời cho từng địa điểm, đánh dấu × vào ô tương ứng)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Thường xuyên** | **Thỉnh thoảng** | **Không** |
| 1. Trong phòng làm việc, phòng họp  |  |  |  |
| 2. Nơi chăm sóc người bệnh |  |  |  |
| 3. Ở hành lang/cầu thang  |  |  |  |
| 4. Căng tin, nhà ăn  |  |  |  |
| 5. Khu vực ngoài nhà/sân, khu vệ sinh |  |  |  |

**C8. Theo anh/chị, tại cơ quan việc thực thi quy định cấm hút thuốc lá ở các địa điểm sau đây như thế nào?** *(Trả lời cho từng địa điểm, đánh dấu × vào ô tương ứng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Tốt** | **Chưa tốt lắm** | **Không tốt** | **Không biết** |
| 1. Trong phòng làm việc, phòng họp  |  |  |  |  |
| 2. Nơi chăm sóc người bệnh |  |  |  |  |
| 3. Ở hành lang/cầu thang  |  |  |  |  |
| 4. Căng tin, nhà ăn  |  |  |  |  |
| 5. Khu vực ngoài nhà/sân, khu vệ sinh |  |  |  |  |

**C9. Cơ quan anh/chị có gắn biển báo “Cấm hút thuốc lá” không?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Có [\_] 2. Không [\_] *(Chuyển câu C11)*

**C10. Nếu có, tại khu vực nào?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

* + 1. Trong phòng làm việc [\_]
		2. Lối đi, hành lang [\_]
		3. Phòng họp [\_]
		4. Sân khuôn viên bên ngoài nơi làm việc [\_]
		5. Khác ...................................

**C11. Đơn vị Anh/Chị có bố trí nơi hút thuốc riêng không?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Có [\_] 2.Không [\_] *(Chuyển câu C13)*

**C12. Nếu có, khu vực đó đã đảm bảo những điều kiện nào sau đây?** *(Đánh dấu × vào tất cả các lựa chọn phù hợp)*

a) Có phòng và hệ thống thông khí tách biệt với khu vực không hút thuốc lá; [\_]

b) Có dụng cụ chứa các mẩu, tàn thuốc lá; có biển báo tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát; [\_]

c) Có thiết bị phòng cháy, chữa cháy. [\_]

**C13. Trong vòng bán kính 100m kể từ cổng cơ quan/đơn vị Anh/Chị, có địa điểm bán thuốc lá không?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

* 1. Có [\_]
	2. Không [\_] 3. Không biết [\_]

**C14. Đơn vị Anh/Chị có tổ chức Lễ phát động xây dựng môi trường làm việc không khói thuốc lá để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cam kết, hưởng ứng không?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Có [\_]

2. Không [\_] 3. Không biết [\_]

**C15. Tại đơn vị Anh/Chị, có phân công cán bộ hoặc bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện xây dựng môi trường làm việc không khói thuốc?**

 (Nếu có), xin cho biết cụ thể:

* + 1. Tên cán bộ/bộ phận: .................................................................
		2. Thời gian báo cáo : ....................................................................

Ví dụ: hàng tháng, hàng năm

**C16. Đơn vị Anh/Chị có biện pháp xử phạt hành vi hút thuốc lá tại nơi làm việc không?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Có [\_]

2.Không [\_] 3. Không biết [\_]

**C17. Nếu có, xin cho biết cụ thể:**

* 1. Đối tượng thực hiện xử phạt:............................................................
	2. Biện pháp xử phạt:............................................................................

..................................................................................................................

Ví dụ: Bằng tiền (bao nhiêu/ lần, cảnh cáo, thông báo, nhắc nhở....)

* 1. Đối tượng thường vi phạm:..............................................................
	2. Địa điểm thường vi phạm:...............................................................

**C18. Cơ quan anh/chị có treo các pano/áp phích/tranh ảnh về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe tại đơn vị không?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Có [\_] 2. Không [\_] *(Chuyển câu C20)*

**C19. Nếu có, tại khu vực nào?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Trong phòng làm việc [\_]

2. Nơi chăm sóc người bệnh [\_]

3. Lối đi, hành lang [\_]

4. Phòng họp [\_]

5. Sân khuôn viên bên ngoài nơi làm việc [\_]

6. Khác ...................................

**C20. Trong vòng 1 tháng qua, anh/chị có thấy ai hút thuốc trong khuôn viên bệnh viện/cơ sở y tế không?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Có [\_] 2.Không [\_] 3. Không biết [\_]

**C21. Theo Anh/chị, có khó khăn gì trong việc xây dựng môi trường không thuốc lá không** (về nhân lực, kinh phí thực hiện luật, xử phạt hành vi vi phạm...)

...........................................................................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................................... **C22. Xin Anh/Chị khuyến nghị các biện pháp để đẩy mạnh công tác Phòng chống tác hại thuốc lá và xây dựng môi trường cơ sở y tế không khói thuốc lá tại nơi làm việc trong thời gian tới:**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Câu hỏi thêm, dành riêng cho bác sỹ:**

**C23. Trong vòng 1 tháng qua, khi khám bệnh cho bệnh nhân, anh/chị có hỏi bệnh nhân có hút thuốc lá không?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Có [\_] 2. Không [\_]

**C24. Nếu bệnh nhân có hút thuốc, anh/chị có khuyên bệnh nhân bỏ thuốc không?** *(Đánh dấu × vào lựa chọn phù hợp)*

1. Có [\_] 2. Không [\_]

*Xin cảm ơn sự hợp tác của anh (chị)*